

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI

Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán	5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 26

B Á O C Á O C Ủ A B A N G I Á M Đ O C

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo Tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 .

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội tên giao dịch là HANOI MARITIME HOLDING COMPANY được thành lập theo giấy phép số 3829/GP- UB của UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 11 năm 1998..

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056428, đăng ký lần đầu ngày 19/11/1998, đăng ký thay đổi ngày 21/07/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 7, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 120.000.000.000 VNĐ

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 056428 (đăng ký lần đầu ngày 19/11/1998, đăng ký thay đổi ngày 16/04/2007) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Lai dắt tàu biển;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuế hải quan.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Tầng 7, Tòa nhà Ocean Park, Hà Nội
Đơn vị trực thuộc	
Chi nhánh Dung Quất	Vực 1, xã Bình Thuận, Dung Quất, Quảng Ngãi

Công ty có các công ty con sau:

Tên	Địa chỉ
Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía nam (<i>chuyển đổi từ Chi nhánh Hồ Chí Minh và Chi nhánh Cần Thơ, thành lập ngày 08/09/2008</i>)	Số 10 Đoàn Như Hà, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng (<i>chuyển đổi từ Chi nhánh Hải Phòng và Chi nhánh Quảng Ninh, thành lập ngày 28/07/2008</i>)	Số 282 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng
Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh Đầu tư Bất động sản Hà Nội	Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park, Hà Nội
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Tầng 7, Tòa nhà Ocean Park, Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Dũng	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Văn Tiềm	Phó Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm từ ngày 20/06/2008
Ông Mai Đình Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 20/06/2008
Ông Vũ Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 20/06/2008
Ông Nguyễn Hồng Minh	Ủy viên HĐQT	
Ông Nguyễn Quang Phúc	Ủy viên HĐQT	
Ông Nguyễn Xuân Phương	Ủy viên HĐQT	
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên HĐQT	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Phúc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/06/2008
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/06/2008
Ông Trần Khắc Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Phúc	Phó Tổng Giám đốc	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trung Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Đỗ Thành Đình	Thành viên Ban Kiểm soát

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 cho Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2009

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Phúc

Số: ____/2009/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được lập ngày 30 tháng 03 năm 2009 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 6 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2009

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và kiểm toán (AASC)

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Quốc Dũng

Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Nguyễn Diệu Trang

Chứng chỉ KTV số: 0837/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		158.458.466.712	90.445.228.526
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		29.762.718.137	25.270.092.442
111	1. Tiền	3	29.762.718.137	25.270.092.442
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.042.164.300	4.887.280.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.801.780.000	4.887.280.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(759.615.700)	
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		111.005.818.604	45.600.693.036
131	1. Phải thu khách hàng		52.889.092.248	32.025.245.614
132	2. Trả trước cho người bán		8.932.192.398	1.495.781.754
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	5	51.702.085.427	13.747.566.636
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(2.517.551.469)	(1.667.900.968)
140	IV. Hàng tồn kho	6	10.492.192.640	9.358.561.261
141	1. Hàng tồn kho		10.492.192.640	9.358.561.261
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.155.573.031	5.328.601.787
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		902.113.197	
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	1.888.496.882	2.472.203.606
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		3.364.962.952	2.856.398.181
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		233.307.799.599	180.607.589.801
220	II. Tài sản cố định		208.573.624.268	133.571.025.101
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	193.128.631.405	110.273.071.524
222	- Nguyên giá		335.091.994.490	203.792.278.539
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(141.963.363.085)	(93.519.207.015)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	9	6.555.907.419	13.355.039.233
225	- Nguyên giá		12.834.814.775	38.332.755.950
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(6.278.907.356)	(24.977.716.717)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	8.889.085.444	9.942.914.344
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	14.526.656.209	46.673.382.314
258	3. Đầu tư dài hạn khác		14.526.656.209	46.673.382.314
260	V. Tài sản dài hạn khác		10.207.519.122	363.182.386
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	9.640.568.034	363.182.386
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
268	3. Tài sản dài hạn khác		566.951.088	
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		391.766.266.311	271.052.818.327

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		219.939.001.295	132.963.315.970
310	I. Nợ ngắn hạn		139.294.695.535	88.608.673.786
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	66.741.743.244	34.686.633.835
312	2. Phải trả người bán		37.077.678.002	23.306.005.760
313	3. Người mua trả tiền trước		11.727.008.436	14.851.819.337
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.544.638.474	4.875.635.670
315	5. Phải trả người lao động		4.067.234.673	3.470.842.595
316	6. Chi phí phải trả	15	9.733.717.914	3.627.653.640
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	7.402.674.792	3.790.082.949
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
330	II. Nợ dài hạn		80.644.305.760	44.354.642.184
333	3. Phải trả dài hạn khác		240.000.000	407.604.574
334	4. Vay và nợ dài hạn	17	79.831.616.681	43.405.313.349
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		572.689.079	541.724.261
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		171.827.265.016	138.089.502.357
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	168.348.238.169	136.094.198.003
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		117.880.870.000	93.878.960.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.001.910.000	
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(1.200.000)	(1.200.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		20.039.747.900	3.626.370.170
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		6.346.747.810	4.672.030.635
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		80.162.459	33.918.037.198
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		3.479.026.847	1.995.304.354
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.479.026.847	1.995.304.354
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		391.766.266.311	271.052.818.327

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
001	1. Tài sản thuê ngoài			
002	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
003	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý			
005	5. Ngoại tệ các loại (USD)		562.466,57	349.857,23
006	6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2009
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thúy Hà

Hoàng Duy Anh

Nguyễn Quang Phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2008	2007
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	229.888.416.666	242.353.248.605
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	229.888.416.666	242.353.248.605
11	4. Giá vốn hàng bán	21	232.278.500.484	212.772.846.189
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(2.390.083.818)	29.580.402.416
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	21.231.133.445	26.566.373.651
22	7. Chi phí tài chính	23	16.342.086.483	3.495.346.111
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		7.538.604.092	3.096.896.119
24	8. Chi phí bán hàng		1.078.758.472	529.855.453
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		17.986.764.153	14.615.222.346
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(16.566.559.481)	37.506.352.157
31	11. Thu nhập khác	25	16.953.563.588	1.236.844.029
32	12. Chi phí khác		205.293.748	131.062.135
40	13. Lợi nhuận khác		16.748.269.840	1.105.781.894
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		181.710.359	38.612.134.051
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	100.234.252	5.117.790.554
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		81.476.107	33.494.343.497
	17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			
	17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		7	4.112

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thúy Hà

Hoàng Duy Anh

Nguyễn Quang Phúc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	T.minh	2008	2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		181.710.359	38.612.134.051
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		40.985.429.285	27.440.613.552
03	- Các khoản dự phòng		1.609.266.201	(99.605.429)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		3.660.494.187	7.371.887
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(34.284.464.509)	(26.982.341.698)
06	- Chi phí lãi vay		7.538.604.092	3.096.896.119
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.691.039.615	42.075.068.482
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(67.648.698.401)	5.042.268.317
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(1.133.631.379)	7.158.387.125
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		20.118.820.159	1.749.183.852
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(9.277.385.648)	1.449.291.467
13	- Tiền lãi vay đã trả		(6.466.168.498)	(3.204.562.071)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.444.000.000)	(3.175.808.443)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.189.988.824	50.000.000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.391.039.083)	(6.574.290.683)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(50.361.074.411)	44.569.538.046
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(115.988.028.452)	(100.501.809.989)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		16.625.714.285	746.230.142
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(69.931.064.136)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		73.016.564.136	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			(11.700.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		32.146.726.105	3.500.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.141.206.174	25.158.421.655
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(45.988.881.888)	(82.797.158.192)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		48.003.820.000	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			(1.065.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		111.847.758.508	54.995.850.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(47.706.514.074)	(8.882.232.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			(7.803.364.164)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.464.814.200)	(12.301.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		100.680.250.234	38.296.887.836
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.330.293.935	69.267.690
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		25.270.092.442	25.205.573.412
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		162.331.760	(4.748.660)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		29.762.718.137	25.270.092.442

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thúy Hà

Hoàng Duy Anh

Nguyễn Quang Phúc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội tên giao dịch là HANOI MARITIME HOLDING COMPANY được thành lập theo giấy phép số 3829/GP- UB của UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 11 năm 1998.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056428, đăng ký lần đầu ngày 19/11/1998, đăng ký thay đổi ngày 21/07/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 7, Tòa nhà Oceanpark, Hà Nội

Các công ty con tại thời điểm 31/12/2008 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía nam	Số 10 Đoàn Như Hà, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Đại lý vận tải biển, vận tải hàng hóa, bốc xếp hàng hóa và lai dắt tàu biển
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Số 282 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng	Đại lý vận tải biển, vận tải hàng hóa, bốc xếp hàng hóa và lai dắt tàu biển
Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh Đầu tư Bất động sản	Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park, Hà Nội	Đại lý vận tải biển, vận tải hàng hóa, bốc xếp hàng hóa
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Tầng 7, Tòa nhà Ocean Park, Hà Nội	Dịch vụ cho thuê văn phòng, kinh doanh siêu thị, nhà hàng, xúc tiến thương mại, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa và kinh doanh quản lý bất động sản

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ trong các công ty con: 100%

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ trong các công ty con: 100%

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 056428 (đăng ký lần đầu ngày 19/11/1998, đăng ký thay đổi ngày 21/07/2008) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Lai dắt tàu biển;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuế hải quan.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2008, Công ty thực hiện niêm yết bổ sung 2.400.191 cổ phiếu theo văn bản đồng ý niêm yết số 50/QĐ-SGDHCM ngày 05/05/2008 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Số dự phòng phải thu khó đòi trích lập thêm trong năm 2008 là: 849.650.501đ

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06-25 năm
- Máy móc, thiết bị	05-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-08 năm

Đối với các tài sản cố định là các tàu biển trong thời gian bị hỏng phải sửa chữa không thu được doanh thu cho thuê tàu thì không thực hiện trích khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ cho giai đoạn này. Tổng chi phí khấu hao Tàu Ocean Asia tương ứng trong giai đoạn sửa chữa trong năm 2008 không thực hiện ghi nhận vào chi phí trong kỳ: 2.044.948.857 đ.

Trong năm 2008, Công ty thực hiện đầu tư nâng cấp đối với tàu Ocean Park, tổng giá trị nâng cấp ghi nhận tăng Nguyên giá tài sản cố định là: 5.288.850.396 đ và thời gian sử dụng đánh giá lại là: 5 năm. Do việc đánh giá lại nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao của tàu Ocean Park sau khi nâng cấp nên phân khấu hao trích vào chi phí năm 2008 nhỏ hơn mức khấu hao trích hàng năm là: 1.974.521.652 đ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;
- Chi phí Bảo hiểm tài sản có thời hạn bảo hiểm từ 12 tháng trở lên;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh

lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trong năm 2008, Công ty thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi giảm 30% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý IV/2008 theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính về thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị Quyết số 30/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ.

3 . TIỀN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.655.660.304	1.226.053.299
Tiền gửi ngân hàng	28.107.057.833	24.044.039.143
Tiền đang chuyển	-	-
	29.762.718.137	25.270.092.442

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	1.801.780.000	887.280.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	4.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (**)	(759.615.700)	-
	1.042.164.300	4.887.280.000

(*): đây các cổ phiếu giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán

(**): mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn căn cứ vào chênh lệch giữa mức giá đóng cửa của cổ phiếu niêm yết tại ngày 31/12/2008 và giá ghi sổ của cổ phiếu

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Phải thu người lao động	129.600.000	219.190.608
Phải thu khác	51.572.485.427	13.528.376.028
- Phải thu về giao nhận đại lý	1.597.884.075	
- Phải thu về ước vận tải (phần doanh thu chưa xuất hóa đơn)	2.730.407.994	4.932.520.837
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam (lãi hoạt động kinh doanh tàu Phụng Châu)		3.975.619.517
- Phải thu của Bảo hiểm Sài Gòn		204.223.620
- Phải thu bảo hiểm tiền sửa chữa tàu OA	13.002.985.241	3.968.280.683
- Phải thu bảo hiểm tiền sửa chữa tàu Archieve	658.926.911	-
- Công ty TNHH VT Công nghệ cao (lợi nhuận được chia)	110.000.000	110.000.000
- Thuế GTGT đầu vào chi phí quản lý của Công ty Xây dựng Lũng Lô chưa xuất hóa đơn	132.489.909	132.489.909
- Bảo hiểm xã hội	14.696.120	
- Bảo hiểm y tế	359.659	
- Phải thu Công ty Xây dựng Lũng Lô (Doanh thu Công trình Đê chắn sóng Lũng Lô ghi nhận trong năm)	31.274.818.010	
- Lãi trái phiếu Marsecos	280.000.000	
- Chi phí hàng tồn thất chờ xử lý	748.988.792	
- Phải thu khác	1.020.928.716	205.241.462
	51.702.085.427	13.747.566.636

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.492.192.640	2.170.790.478
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	7.187.770.783
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	10.492.192.640	9.358.561.261
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	10.492.192.640	9.358.561.261

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.874.836.529	2.468.374.299
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.660.353	-
Các loại thuế khác	-	3.829.307
	1.888.496.882	2.472.203.606

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND					
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	7.354.817.531	17.809.524	188.246.755.859	8.172.895.625	203.792.278.539
Số tăng trong kỳ	10.557.922.254		131.869.714.684	112.161.589	142.539.798.527
- Mua trong kỳ			101.082.923.113	112.161.589	101.195.084.702
- Xây dựng mới	10.557.922.254		5.288.850.396		15.846.772.650
- Tăng khác			25.497.941.175		25.497.941.175
Số giảm trong kỳ			11.240.082.576		11.240.082.576
- Thanh lý, nhượng bán			11.240.082.576		11.240.082.576
Số dư cuối kỳ	17.912.739.785	17.809.524	308.876.387.967	8.285.057.214	335.091.994.490
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	946.391.738	12.466.650	89.012.411.049	3.547.937.578	93.519.207.015
Số tăng trong kỳ	1.729.209.609	3.561.900	57.592.938.962	358.528.175	59.684.238.646
- Khấu hao trong kỳ	1.729.209.609	3.561.900	32.094.997.787	358.528.175	34.186.297.471
- Tăng khác			25.497.941.175		25.497.941.175
Số giảm trong kỳ			11.240.082.576		11.240.082.576
- Thanh lý, nhượng bán			11.240.082.576		11.240.082.576
Số cuối kỳ	2.675.601.347	16.028.550	135.365.267.435	3.906.465.753	141.963.363.085
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	6.408.425.793	5.342.874	99.234.344.810	4.624.958.047	110.273.071.524
Tại ngày cuối kỳ	15.237.138.438	1.780.974	173.511.120.532	4.378.591.461	193.128.631.405

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố vay vốn	108.142.981.374
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng	38.705.269.998
Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý	-
Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai	Không có
Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình	Không có

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	-	-	38.332.755.950	-	38.332.755.950
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	25.497.941.175	-	25.497.941.175
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	25.497.941.175	-	25.497.941.175
Số dư cuối kỳ	-	-	12.834.814.775	-	12.834.814.775
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	-	24.977.716.717	-	24.977.716.717
Số tăng trong kỳ	-	-	6.799.131.814	-	6.799.131.814
- Khấu hao trong kỳ	-	-	6.799.131.814	-	6.799.131.814
Số giảm trong kỳ	-	-	25.497.941.175	-	25.497.941.175
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	25.497.941.175	-	25.497.941.175
Số dư cuối kỳ	-	-	6.278.907.356	-	6.278.907.356
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	13.355.039.233	-	13.355.039.233
Tại ngày cuối kỳ	-	-	6.555.907.419	-	6.555.907.419

Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong kỳ

-

Căn cứ để ghi nhận tiền thuê phát sinh thêm: Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận căn cứ vào nghĩa vụ phải trả của bên đi thuê trong hợp đồng thuê tài chính trên cơ sở nguyên tắc cơ sở dồn tích

Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	6.948.266.194	9.127.561.778
Trong đó:		
- Chi phí khảo sát Dự án Cảng Phù Đổng	500.000.000	500.000.000
- Công trình Bãi Đông Hải	155.382.557	8.627.561.778
- Công trình Tòa nhà Hải An	6.292.883.637	-
Mua sắm TSCĐ	1.940.819.250	38.791.000
Trong đó:		
- Chi phí thiết kế đóng mới tàu	1.940.819.250	-
- Chi phí mua sắm TSCĐ khác	-	38.791.000
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	776.561.566
Trong đó:		
- Chi phí sửa chữa lớn tàu Ocean Asia	-	776.561.566
	8.889.085.444	9.942.914.344

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	14.526.656.209	46.673.382.314
- Đầu tư cổ phiếu	2.570.000.000	2.570.000.000
+ Công ty Cổ phần Hải Minh	2.500.000.000	2.500.000.000
+ Công ty Cổ phần Cảng Đoạn xá	70.000.000	70.000.000
- Đầu tư trái phiếu	4.800.000.000	4.800.000.000
+ Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ và Kỹ thuật Hàng hải	4.800.000.000	4.800.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	7.156.656.209	39.303.382.314
+ Tổng Công ty Hàng Hải Việt nam (hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác tòa nhà Ocean Park)		32.146.726.105
+ Công ty TNHH VT Hàng công nghệ cao (Transvina), chiếm tỷ lệ 15%	6.256.656.209	6.256.656.209
+ Công ty CP&XD Hải Đăng, chiếm tỷ lệ 6%	900.000.000	900.000.000
	14.526.656.209	46.673.382.314

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tàu biển	8.402.252.679	-
Chi phí bảo hiểm tài sản	330.623.580	322.715.852
Chi phí hội viên sân golf	588.687.421	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	319.004.354	40.466.534
	9.640.568.034	363.182.386

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn	23.795.108.528	-
Vay dài hạn đến hạn trả	39.547.921.994	27.224.611.057
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	3.398.712.722	7.462.022.778
	66.741.743.244	34.686.633.835

Trong đó, các khoản vay ngắn hạn gồm:

Đơn vị tính: 1.000.000 VND

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Phương thức bảo đảm khoản vay
Vay bằng USD						
01/HĐK T08	Công ty TNHH Vận tải Công nghệ cao Transvina	6%	6 tháng	400.000,00	211.745,85	phần vốn góp vào Transvina
	Cộng				211.745,85	
Vay bằng VNĐ						
62/08/HN	Maritime Bank		6 tháng	20.000.000.000	19.912.172.933	Tài sản thế chấp
2408	Techcombank HP		4 tháng		288.126.300	Tài sản thế chấp
	Cộng				20.200.299.233	
	Tương đương VND				23.795.108.528	

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	51.116.813	364.575.186
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.018.279.711	4.362.045.458
Thuế thu nhập cá nhân	137.152.134	-
Các loại thuế khác	1.338.089.816	149.015.026
Cộng	2.544.638.474	4.875.635.670

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí hoa hồng môi giới phải trả	708.717.551	-
Chi phí lãi vay phải trả	1.072.435.594	-
Trích trước chi phí vận chuyển	2.161.765.356	2.066.257.870
Chi phí thuê tàu định hạn		236.496.679
Chi phí quản lý phải trả Công ty XD Lũng Lô	5.021.013.947	1.324.899.091
Chi phí bảo hiểm tàu AC	115.041.868	-
Chi phí bảo hiểm tàu OA	230.137.937	-
Chi phí phải trả khác	424.605.661	
	9.733.717.914	3.627.653.640

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	43.477.534	33.313.823
Bảo hiểm y tế	12.123.623	11.876.569
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.347.073.635	3.744.892.557
- <i>Cổ tức phải trả</i>	-	199.339.000
- <i>Phải trả đại lý tàu biển</i>	4.126.459.817	3.328.950.912
- <i>Tiền đầu phải trả Seacon và Far Shipping</i>	3.033.421.329	-
- <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	187.192.489	216.602.645
	7.402.674.792	3.790.082.949

17 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay dài hạn	75.450.820.500	36.659.350.000
Vay ngân hàng	75.450.820.500	36.659.350.000
Vay đối tượng khác	-	-
Trái phiếu phát hành	-	-
Nợ dài hạn	4.380.796.181	6.745.963.349
Thuê tài chính	4.380.796.181	6.745.963.349
	79.831.616.681	43.405.313.349

Trong đó, các khoản vay dài hạn gồm:

Đơn vị tính: 1.000.000 VND

Số HĐ vay	Bên cho vay	Lãi suất vay (%/năm)	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Số dư nợ gốc phải trả kỳ tới	Phương thức bảo đảm khoản vay
Vay USD							
01/2008/HĐT D	Ngân hàng TMCP Quân đội	7,8%	48 tháng	4.465.000	4.167.000	1.192.000	Tài sản thế chấp
135/2007	Ngân hàng TMCP Hàng hải	sibor 6 tháng + 2%/năm	36 tháng	3.412.500	2.275.000	1.137.500	Tài sản thế chấp
Vay VNĐ							
1200-LAV	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	12,72%	60 tháng	26.000	5.632		Tài sản thế chấp
	Cộng vay USD				6.442.000	2.329.500	
	Cộng vay VNĐ				5.632	-	
	Tương đương VNĐ (triệu đồng)				114.998	39.548	

Nợ dài hạn (thuê mua container)

Đơn vị tính: USD

ngày 05/06/2003	Interpool Container Ltd		60 tháng	1.640.400	373.899,93	117.483,00	
ngày 17/11/2004	Interpool Container Ltd		60 tháng	195.500	39.598,24	39.598,24	
ngày 03/01/2007	Interpool Container Ltd		60 tháng	593.700	44.739,97	43.113,89	
	Cộng nợ vay USD			2.429.600	458.238,14	200.195,13	
	Tương đương VNĐ (triệu đồng)				7.780	3.399	

Các khoản nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: 1.000.000 VND

Thời hạn	2008			2007		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm	-	-	-	-	-	-
Từ 1-5 năm	8.056	594	7.462	6.510	669	5.841
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-
Cộng	8.056	594	7.462	6.510	669	5.841

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 1

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	-		-	
Vốn góp của các đối tượng khác	117.880.870.000	100,0%	93.878.960.000	100,0%
- Do pháp nhân nắm giữ	-		-	
- Do thể nhân nắm giữ	117.880.870.000	100,0%	93.878.960.000	100,0%
Cộng	117.880.870.000	100%	93.878.960.000	100%

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

-

* Số lượng cổ phiếu quỹ

120

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	93.878.960.000	67.056.400.000
- Vốn góp tăng trong năm	24.001.910.000	26.822.560.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	117.880.870.000	93.878.960.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.265.475.200	8.046.768.000

đ) Cổ phiếu

	31/12/2008	01/01/2008
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.788.207	9.387.896
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.788.207	9.387.896
- Cổ phiếu phổ thông	11.788.207	9.387.896
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
- Cổ phiếu phổ thông	120	120
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.788.087	9.387.776
- Cổ phiếu phổ thông	11.788.087	9.387.776
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2008	01/01/2008
Quỹ đầu tư phát triển	20.039.747.900	3.626.370.170
Quỹ dự phòng tài chính	6.346.747.810	4.672.030.635
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	26.386.495.710	8.298.400.805

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2008 VND	2007 VND
- Doanh thu vận tải và đại lý vận tải đa phương thức	161.895.162.554	198.261.704.335
- Doanh thu khai thác bãi	6.387.581.716	19.039.053.986
- Doanh thu lai dắt tàu	10.656.003.842	10.126.447.609
- Doanh thu hoạt động quản lý tòa nhà	6.487.431.657	4.358.377.395
- Doanh thu công trình để chắn sóng Dung Quất	28.431.652.736	10.567.665.280
<i>dựa trên Bảng tổng hợp giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12/2006 đã được hai bên ký xác nhận với tổng khối lượng được nghiệm thu và đơn giá điều chỉnh có sự phê duyệt của Công ty Xây dựng Lũng Lô. Giá trị thực hiện do Công ty tự xác định là : 31.274.818.010đ (trong đó: doanh thu: 28.431.652.736 đ, thuế VAT đầu ra: 2.843.165.274 đ)</i>		
- Doanh thu dịch vụ hàng hải khác	16.030.584.161	
Cộng	229.888.416.666	242.353.248.605

20 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2008 VND	2007 VND
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	229.888.416.666	242.353.248.605
- Doanh thu vận tải và đại lý vận tải đa phương thức	161.895.162.554	198.261.704.335
- Doanh thu khai thác bãi	6.387.581.716	19.039.053.986
- Doanh thu lai dắt tàu	10.656.003.842	10.126.447.609
- Doanh thu hoạt động quản lý tòa nhà	6.487.431.657	4.358.377.395
- Doanh thu công trình để chắn sóng Dung Quất	28.431.652.736	10.567.665.280
- Doanh thu dịch vụ hàng hải khác	16.030.584.161	-
Cộng	229.888.416.666	242.353.248.605

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2008 VND	2007 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	232.278.500.484	212.772.846.189
-Giá vốn vận tải và đại lý vận tải đa phương thức	196.783.967.332	184.845.346.516
- Giá vốn khai thác bãi	3.921.237.854	7.569.166.468
- Giá vốn lai dắt tàu	8.710.274.946	9.018.074.895
- Giá vốn hoạt động quản lý tòa nhà	3.310.134.799	1.405.020.903
- Giá vốn công trình để chắn sóng Dung Quất	10.883.885.639	9.935.237.407
- Giá vốn dịch vụ hàng hải khác	8.668.999.914	-
Cộng	232.278.500.484	212.772.846.189

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2008 VND	2007 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.374.453.081	587.482.344
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	353.625.000	5.260.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.693.128.093	20.323.810.643
Lãi bán ngoại tệ	275.822.436	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.073.689.446	315.027.359
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	243.181.806	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	217.233.583	79.553.305
Cộng	21.231.133.445	26.566.373.651

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2008 VND	2007 VND
Lãi tiền vay	7.538.604.092	3.096.896.119
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	762.455.950	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.123.446.006	358.397.845
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.903.675.993	7.371.887
Chi phí tài chính khác	13.904.442	32.680.260
Cộng	16.342.086.483	3.495.346.111

25 . THU NHẬP KHÁC

	2008 VND	2007 VND
Thu thanh lý, nhượng bán	16.625.714.285	875.364.658
Thu bồi thường tổn thất	189.308.000	-
Thu phạt vi phạm hợp đồng	120.000.000	-
Thu nhập khác	18.541.303	361.479.371
Cộng	16.953.563.588	1.236.844.029

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2008 VND	2007 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	100.234.252	5.117.790.554
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Cộng	100.234.252	5.117.790.554

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2008	2007
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	81.476.107	33.494.343.497
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu PT:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu PT	81.476.107	33.494.343.497
- Cổ phiếu PT đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.966.104	8.145.512
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7	4.112

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2008 VND	2007 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.224.977.355	55.982.896.407
Chi phí nhân công	24.971.029.000	17.321.488.939
Chi phí khấu hao TSCĐ	40.985.429.285	27.440.613.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.155.474.144	78.038.982.197
Chi phí khác bằng tiền	8.819.342.542	38.721.070.249
Cộng	244.156.252.326	217.505.051.344

29 . THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Trong năm 2008, Công ty thực hiện chuyển nhượng lại phần vốn góp của Công ty tại Tòa nhà Ocean Park cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Hợp đồng chuyển nhượng ký ngày 8/12/2008 trong đó mức giá chuyển nhượng được xác định là giá trị phần vốn góp ban đầu sau khi đã trừ khấu hao mà VinaLines đã thanh toán hết cho Công ty theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh tính đến hết tháng 11/2008 cộng với giá trị gia tăng phần vốn góp của Công ty trong giá trị tài sản nguyên trạng của toàn nhà Ocean Park tại thời điểm chuyển nhượng. Trong năm 2008, Vinalines đã thanh toán cho Công ty tiền khấu hao tòa nhà là: 10.572.876.475 đ và thanh toán phần giá trị còn lại của phần vốn góp của Công ty CP Hàng hải Hà Nội vào tòa nhà là: 21.573.849.630 đ. Tiến độ của việc xác định giá trị gia tăng phần vốn góp và các thủ tục chuyển nhượng vốn góp được gia hạn đến thời điểm 10/04/2009.

30 . CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
<i>Vay ngắn hạn</i>			
Công ty TNHH Vận tải Công nghệ cao	đơn vị đầu tư góp vốn	6.728.000.000	-
<i>Phải thu từ hoạt động quản lý tài sản</i>			
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	đơn vị hợp tác kinh doanh	24.216.004.568	3.914.773.918

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
<i>Số dư nợ phải trả</i>			
Công ty TNHH Vận tải Công nghệ cao	đơn vị đầu tư góp vốn	3.594.809.295	-

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thúy Hà

Hoàng Duy Anh

Nguyễn Quang Phúc

Phụ lục 1 : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	67.056.400.000	-	-	-	17.450.249.170	4.000.019.635	15.761.161.629	104.267.830.434
- Tăng vốn trong kỳ trước	26.822.560.000	-	-	-	4.951.913.000	672.011.000	-	32.446.484.000
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	33.494.343.497	33.494.343.497
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	384.549	384.549
- Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	1.200.000	-	18.775.792.000	-	-	18.776.992.000
- Trích quỹ	-	-	-	-	-	-	7.227.130.000	7.227.130.000
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	8.046.768.000	8.046.768.000
- Điều chỉnh theo BB thuế n	-	-	-	-	-	-	61.954.477	61.954.477
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	2.000.000	2.000.000
Số dư cuối kỳ trước	93.878.960.000	-	(1.200.000)	-	3.626.370.170	4.672.030.635	33.918.037.198	136.094.198.003
- Tăng vốn trong kỳ này	24.001.910.000	24.001.910.000	-	-	16.413.377.730	1.674.717.175	-	66.091.914.905
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	81.476.107	81.476.107
- Tăng khác	-	-	-	3.903.981.420	-	-	810.828	3.904.792.248
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	11.265.475.200	11.265.475.200
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-	22.652.561.998	22.652.561.998
- Giảm khác	-	-	-	3.903.981.420	-	-	2.124.476	3.906.105.896
Số dư cuối kỳ này	117.880.870.000	24.001.910.000	(1.200.000)	-	20.039.747.900	6.346.747.810	80.162.459	168.348.238.169

Ghi chú: (*): Trong năm 2008, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2007 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2008 với tổng số tiền lợi nhuận sau thuế 2007 được phân phối là: 33.918.037.198 đ, cụ thể như sau: trích lập quỹ đầu tư phát triển: 16.413.377.730 đ; trích lập quỹ dự phòng tài chính: 1.674.717.175 đ; trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là: 4.564.467.093 đ và chia cổ tức cho cổ đông là: 11.265.475.200 đ.